

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày: 26/6/2019
V/v “Tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ánh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ông Võ Quang Truyền**.
2. Ông **Trần Văn Thạch**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp về đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Ph**, sinh năm 1968 và bà **Huỳnh Thị Kim T**, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: D4/5A, ấp Long Th, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tuyên: Ông **Nguyễn Văn Ph**, sinh năm 1968 địa chỉ: D4/5A, ấp Long Th, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. (Theo giấy ủy quyền ngày 21/3/2019). Ông Ph có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1974 và bà **Lê Kim Ng**, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: Ấp Năm Tr, xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông Đ có mặt, bà Ng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph, bà Huỳnh Thị Kim T trình bày:**

Ông Ph, bà T có quen biết với vợ chồng ông Đ, bà Ng do mua bán với nhau, không có quan hệ họ hàng. Ông Ph, bà T kinh doanh nhà máy mì Công ty TNHH sản xuất tinh bột khoai mì Nhật Phát tại số 40, ấp Đông Thành, xã Tân Đông, Tân Châu, Tây Ninh.

Khoảng năm 2014-2015, ông bà có bán bột mì ướt cho vợ chồng ông Đ, bà Ng cũng có kinh doanh lò mì làm bột găm. Mỗi lần nhận hàng có phiếu cân, sau khi nhận hàng thì trả tiền, mỗi xe hàng giao có giá tiền từ 100 triệu đồng trở lên, khoảng từ năm

2014 đến năm 2015 ông Đ còn nợ tiền hàng của nhiều xe hàng. Ngày 08/4/2015, ông Đ viết giấy nhận nợ là 3.467.542.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi hai ngàn đồng), ông Đ hứa đến ngày 30.12.2015 âm lịch trả hết, chữ do ông Đ viết, vợ chồng ông Đ, bà Ng ký tên.

Sau đó vài ngày, vợ chồng ông Đ, bà Ng không trả được tiền như đã hứa và đồng ý chuyển nhượng 01 cây xăng gần nhà máy mì Thành Thái, ở xã Suối Ngô, Tân Châu, Tây Ninh với giá 5,5 tỷ đồng cho ông Ph bà T. Lúc này, do cây xăng vợ chồng ông Đ, bà Ng đang thế chấp Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh khoản hơn 02 tỷ đồng, ông bà không nhớ chính xác số tiền cụ thể do thời gian lâu và ông bà cũng đã chuyển nhượng lại cho người khác không có kinh doanh xăng dầu, ông bà làm thủ tục trả nợ Ngân hàng tiền vốn vay.

Các bên làm thủ tục chuyển nhượng cây xăng tại phòng công chứng số 01, tính toán lại các khoản nợ với nhau, ông Đ tự tính tiền nợ, tự viết nhận nợ cho ông Ph, bà T ngày 23.4.2015 số tiền 267.542.000 đồng sau khi trừ tiền vốn vay ngân hàng còn nợ lại, vợ chồng ông Đ, bà Ng cùng ký tên.

Do giấy phép kinh doanh ông Đ đã thế chấp cho người khác số tiền 50.000.000 đồng, ông Ph phải trả tiền để nhận lại giấy phép kinh doanh, tiền lãi vay ngân hàng còn nợ của ông Đ, bà Ng là 97.718.000 đồng, hai khoản tiền này ông Đ chưa thanh toán cho ông Ph, bà T.

Do ông bà yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà Ng trả nợ nhiều lần không được nên ông bà khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết.

Tổng cộng vợ chồng ông Đ, bà Ng còn nợ là 415.260.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu đồng, hai trăm sáu mươi ngàn đồng). Nay ông Ph, bà T yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà Ng phải trả cho ông bà số tiền nợ trên ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày tại các biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2019, ngày 09/4/2019 và tại phiên tòa trình bày:***

Ông Đ thống nhất lời trình bày của ông Ph, bà T về quan hệ làm ăn mua bán với nhau, ông thống nhất đồng ý các giấy tờ ông Ph, bà T cung cấp cho tòa là các giấy viết nhận nợ, do anh và chị Ng viết và ký tên. Cụ thể:

Ngày 08/4/2015, ông viết giấy nhận nợ là 3.467.542.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi hai ngàn đồng), chữ do ông viết, vợ chồng ông ký tên.

Ngày 23.4.2015 ông viết giấy nhận nợ là số tiền 267.542.000 đồng, vợ chồng ông cùng ký tên.

Do giấy phép kinh doanh ông đã thế chấp cho người khác số tiền 50.000.000 đồng, ông Ph phải trả tiền để nhận lại giấy phép kinh doanh, tiền lãi vay ngân hàng của ông là 97.718.000 đồng, hai khoản tiền này ông Đ trình bày để lấy được cây xăng thì ông Ph phải thanh toán là đúng, nhưng không có lập biên bản thỏa thuận. Các khoản tiền này ông Đ không đồng ý trả.

Đối với các khoản nợ của ông Ph, bà T đã thanh toán xong bằng hình thức chuyển nhượng cây xăng như ông Ph trình bày, nhưng việc nhận chuyển nhượng cây xăng là xem như quyết toán xong nợ, dù chưa thanh toán hết các khoản tiền nhưng việc để có được cây xăng ông Ph phải trả các khoản tiền nêu trên là đúng, nhưng các

bên không có làm giấy xác nhận thanh toán nợ xong nên nay ông Ph mới có chứng cứ khởi kiện vợ chồng ông.

Trước khi bàn giao Cây xăng cho ông Ph, bà T, ông đã thỏa thuận cho anh T thuê cây xăng để kinh doanh, với giá 25 triệu đồng/tháng, ông đã nhận tiền cọc 200 triệu đồng. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1976, địa chỉ Huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh, các bên chưa lập Hợp đồng thuê có công chứng chứng thực theo quy định, cũng không làm giấy tay. Ông Đ đã nhận tiền cọc, không có làm biên nhận do tin tưởng nhau, nên khi ông Ph chuyển nhượng cây xăng ông Đ phải bồi thường thiệt hại cho anh T 300 triệu đồng, cũng không làm biên nhận. Do tin tưởng nhau nên các giấy tờ liên quan đến thỏa thuận cho anh T thuê, hiện ông Đ không có, anh T cũng đã đi Hàn Quốc do mẹ anh T nói cho ông Đ biết, hiện không rõ địa chỉ nên ông không cung cấp chứng cứ cho tòa án được. Nay ông yêu cầu tòa án xem xét, trừ tiền bồi thường thiệt hại ông đã bồi thường cho anh T 300 triệu đồng, ông chỉ còn trả số tiền là 115.260.000 đồng.

Ông Đ xác nhận các khoản tiền ông Ph, bà T trình bày là có, nhưng vì thỏa thuận xóa nợ ông không có, cũng không có chứng cứ chứng minh liên quan anh T, nên nay ông không đồng ý trả số tiền là 415.260.000 đồng, ông đồng ý trả số tiền 115.260.000 đồng cho ông Ph, bà T.

Bà Lê Kim Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 256, Điều 428, Điều 438 Điều BLDS 2005 và Nghị quyết 326 của UBNTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhân dân đề xuất: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chồng ông Nguyễn Văn Ph, bà Huỳnh Thị Kim T về tranh chấp đòi tài sản. Buộc vợ chồng ông Đ, bà Ng trả cho vợ chồng ông Ph bà T số tiền 415.260.000 đồng. Ông Đ, bà Ng phải chịu án phí STDS theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có mặt, bà Lê Kim Ng đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, HĐXX xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn Ph, bà Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Kim Ng trả cho ông bà tiền mua bột mì ướt còn nợ: Ngày 08/4/2015, ông Đ viết giấy nhận nợ là 3.467.542.000 đồng (Ba tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi hai ngàn đồng), chữ do ông Đ, vợ chồng ông Đ, bà Ng ký tên. Sau khi thanh toán nợ bằng hình thức chuyển nhượng xây xăng, ngày

23.4.2015 ông Đ viết giấy nhận nợ là số tiền 267.542.000 đồng, vợ chồng ông Đ, bà Ng cùng ký tên. Ông Ph phải trả thêm các khoản tiền lãi ngân hàng là 97.718.000 đồng, tiền lấy giấy phép kinh doanh 50 triệu đồng để hoàn tất được thủ tục chuyển nhượng cây xăng, nên tổng tiền của ông Đ bà Ng còn nợ ông bà là 415.260.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Ph cung cấp các giấy nhận nợ do ông Đ viết và ký tên cụ thể giấy xác nhận nợ ngày 07/4/2015 do chị Ng Viết và ký tên; giấy xác nhận nợ ngày 08/4/2015 do ông Đ viết, ông Đ bà Ng ký tên, giấy nhận nợ ngày 23/4/2015 do ông Đ viết, ông Đ bà Ng ký tên. Ông Đ xác nhận đúng chữ viết, chữ ký là của vợ chồng ông.

Tổng số tiền ông Đ bà Ng còn nợ ông Ph, bà T là 415.260.000 đồng.

Như vậy việc ông Ph, bà Tn khởi kiện có căn cứ, có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ph, bà T.

Tại tòa ông Đ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ tiền ông phải bồi thường thiệt hại cho anh T, nhưng ông Đ không cung cấp được chứng cứ liên quan đến việc thỏa thuận, văn bản hợp đồng giữa ông và anh T, anh T hiện cũng không rõ đang ở đâu; không cung cấp được thỏa thuận xóa nợ giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông Ph. Trong quá trình làm việc tòa án đã ra Quyết định cung cấp chứng cứ yêu cầu ông Đ cung cấp thông tin địa chỉ, các chứng cứ liên quan đến anh T, nhưng ông Đ không cung cấp được do ông Đ đã lâu không liên lạc, cũng không có các giấy tờ liên quan anh T, vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét cho yêu cầu của ông Đ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phát, bà T, buộc ông Đg, bà Ng có nghĩa vụ trả cho ông Ph, bà T số tiền 415.260.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu đồng, hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

[3] Về án phí: Ông Đ, bà Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 428, Điều 438 BLDS 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ph, bà Huỳnh Thị Kim T đối với ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Kim Ng.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Kim Ng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Huỳnh Thị Kim T số tiền 415.260.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu đồng, hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Kim Ng phải chịu 20.610.400 đồng (Hai mươi triệu, sáu trăm mười ngàn, bốn trăm đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Huỳnh Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.688.000 đồng (Sáu triệu, sáu trăm tám mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013139 ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Huỳnh Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.693.000 đồng (Ba triệu, sáu trăm, chín mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013180 ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ánh Nhung